

Bản án số: 297/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 30/7/2019
“*V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình,
ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phước Tân;
2. Ông Trần Thành Chúng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử công khai vụ án thụ lý số: 184/2019/TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 321/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ 04, ấp A, xã K, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thanh P**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ 04, ấp A, xã K, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng bà L trình bày: Hôn nhân của bà và ông P do cha mẹ hai bên định đoạt và có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quốc Thái vào năm 2011. Sau đám cưới cả hai chung sống bên nhà cha mẹ chồng tại xã Quốc Thái được 02 năm thì chuyển lên K sinh sống bằng nghề mua bán

cá. Được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông P ghen tuông vô cớ, kêu bà học theo kinh sách, bà không làm theo thì đánh đập, bạo hành gia đình rồi kêu bà làm đơn ly hôn sau đó ông P bỏ đi từ tháng 5/2019 đến nay. Nay bà L xin ly hôn.

Con chung có 02 cháu tên Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 06/6/2012 và Nguyễn Thị Kim A1 sinh ngày 11/02/2015 đang sống với bà L. Ly hôn bà có nguyện vọng nuôi con chung, không cần ông P cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Thanh P không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà L.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về cách giải quyết vụ án, tại các phiên hòa giải bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu, ông P vắng mặt không có lý do. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ đương sự có mặt không yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng, không cung cấp chứng cứ mới.

Do ông P không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L, để đảm bảo quyền, nghĩa vụ của ông P Tòa án đã thực hiện thủ tục thu thập chứng cứ là xác minh nguyên nhân, tình trạng mâu thuẫn tại địa phương. Kết quả xác minh được bà Nguyễn Thị Thu, mẹ ông P cung cấp: Trong quá trình chung sống giữa bà L với ông P thường phát sinh cãi vã, bà có khuyên can nhưng cả hai không nghe, ông P cho rằng bà bệnh vực bà L nên bỏ nhà đi từ tháng 03/2019 AL cho đến nay, hiện cả hai đã ly thân và khả năng hàn gắn lại theo bà là không thể. Con chung đúng như bà L trình bày, đang do bà L nuôi dưỡng.

Kết quả xác minh tình trạng cư trú của ông P được Công an xã K cho biết ông vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, thỉnh thoảng có về thăm nhà.

Tại phiên tòa, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, không đồng ý đoàn tụ. Ông P vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự phát biểu:

Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong quá trình tố tụng xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên

toà không thuộc trường hợp phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi đáp tại phiên tòa cho thấy trong đời sống hôn nhân của bà L và ông P phát sinh mâu thuẫn, thời gian không còn chung sống cả hai người không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm gia đình, ông P cũng đã được tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không tham gia hoà giải, không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu của bà L nên xem như đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà L. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung không xem xét do bà không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà L có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện An Phú giải quyết về việc ly hôn với ông P; các đương sự có nơi cư trú tại huyện An Phú. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Ông P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Mặc dù hôn nhân của ông P và bà L xác lập trên cơ sở mai mối, tuy nhiên có đăng ký kết hôn theo quy định, do vậy quan hệ hôn nhân của ông bà có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình kể từ thời điểm đăng ký. Do trong đời sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn mà theo lời trình bày của bà L thì ông P thời gian gần đây bỏ bê không quan tâm vợ con, có hành vi bạo hành gia đình và trong thời gian không còn chung sống ông P không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm gia đình.

Xét thấy: Ông P đã được tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, thông báo về phiên hòa giải nhưng ông không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà L và cũng không đến tham gia hòa giải, thời gian không còn chung sống cả hai không có thiện chí để tìm giải pháp hàn gắn lại tình cảm gia đình, từ đó có căn cứ cho thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng của ông P và bà L là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên cần cho bà L và ông P được ly hôn để mỗi bên tự xây dựng hạnh phúc riêng của mình.

[3] Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 06/6/2012 và Nguyễn Thị Kim A1 sinh ngày 11/02/2015 đang sống với bà L. Ly hôn bà có nguyện vọng nuôi con chung.

Xét thấy các cháu Lan A và Kim A1 đang do bà L nuôi dưỡng, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về tâm, sinh lý của các cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, giao hai con chung cho bà được nuôi dạy.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, tuy nhiên bà L không yêu cầu ông P cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết và không đề cập trong phần quyết định. Trường hợp bà và ông P có yêu cầu sẽ giải quyết trong một vụ án khác.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 thì bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, 228, 244, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14, 56, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn ThA P được ly hôn.

- Con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 06/6/2012 và Nguyễn Thị Kim A1 sinh ngày 11/02/2015 đang sống với bà L cho bà tiếp tục nuôi dưỡng. Ông P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà L cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

- Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét do bà L không yêu cầu.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0011305 ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Phú (Bà L đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi gửi:**

- TAND tỉnh AG;
- VKS H. AP;
- THADS H. AP;
- UBND xã Quốc Thái;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

Nguyễn Quang Bảo